



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng

Ngày 31/12/2024	6,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.8%	-4.8%	-

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
1.3%
YoY: +/-▼ 0.7%

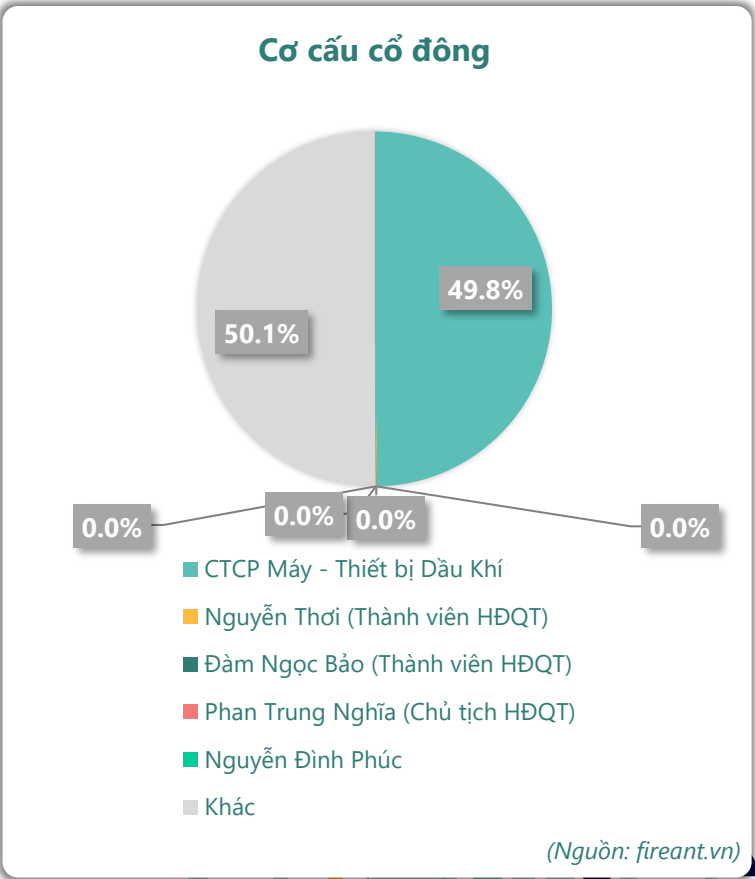
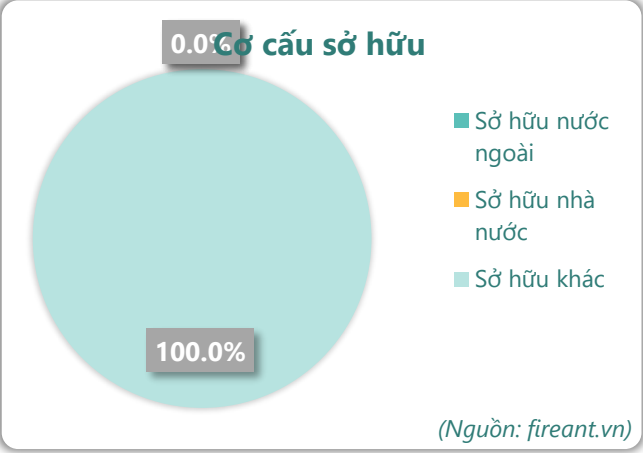
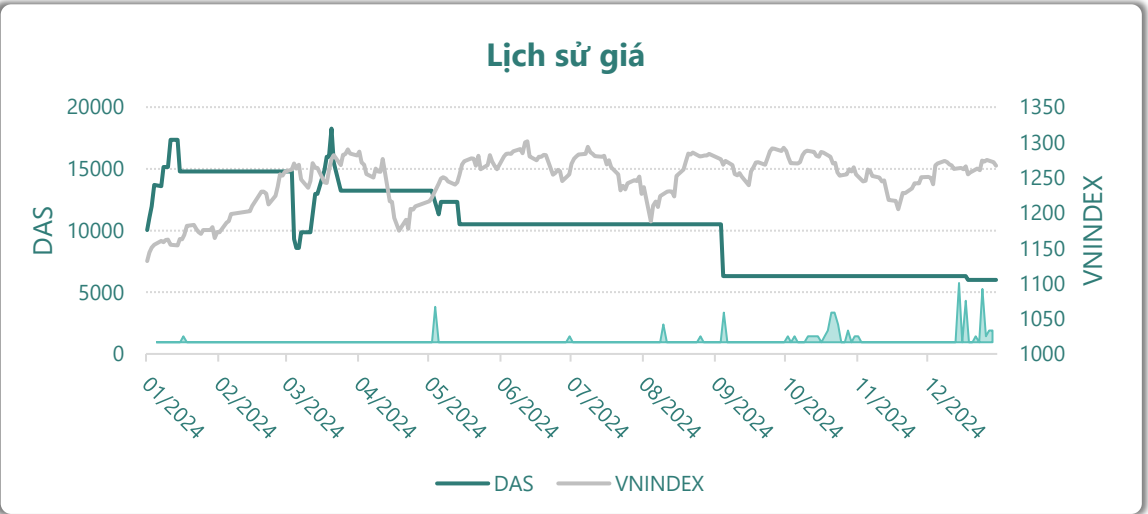
ROE 2024
7.3%
YoY: +/-▼ 1.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 18,261
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
Số lượng CPLH (CP)	4,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.34
EPS	
P/E	

DT thuần 2024
701
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 183 35.5%

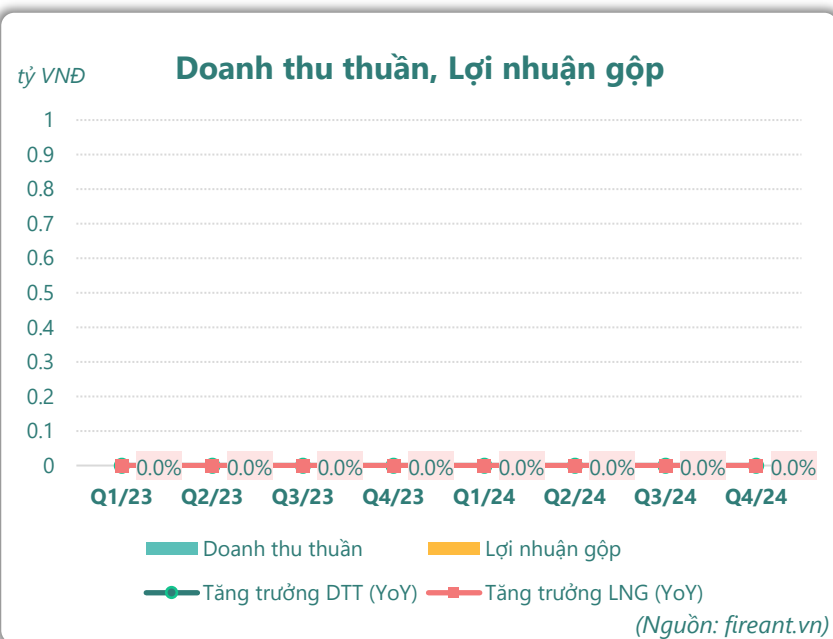
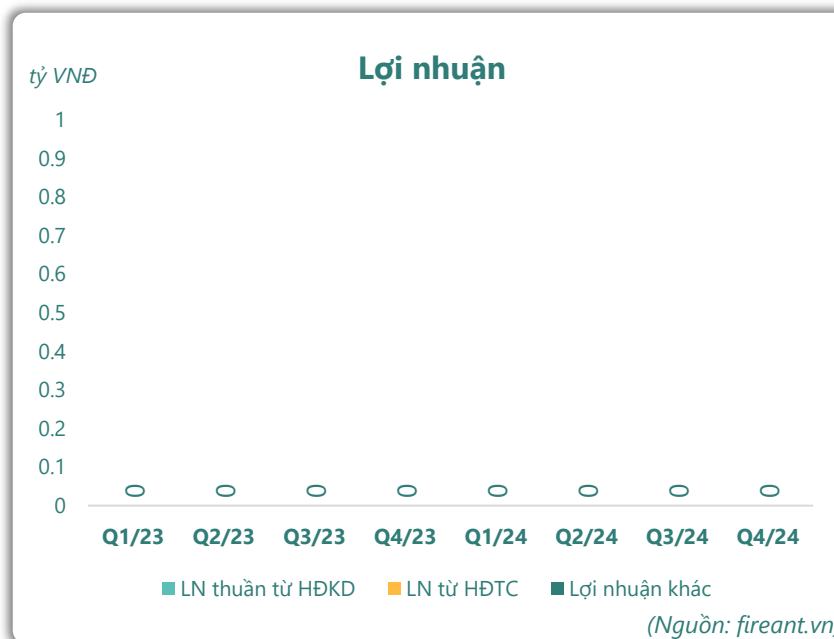
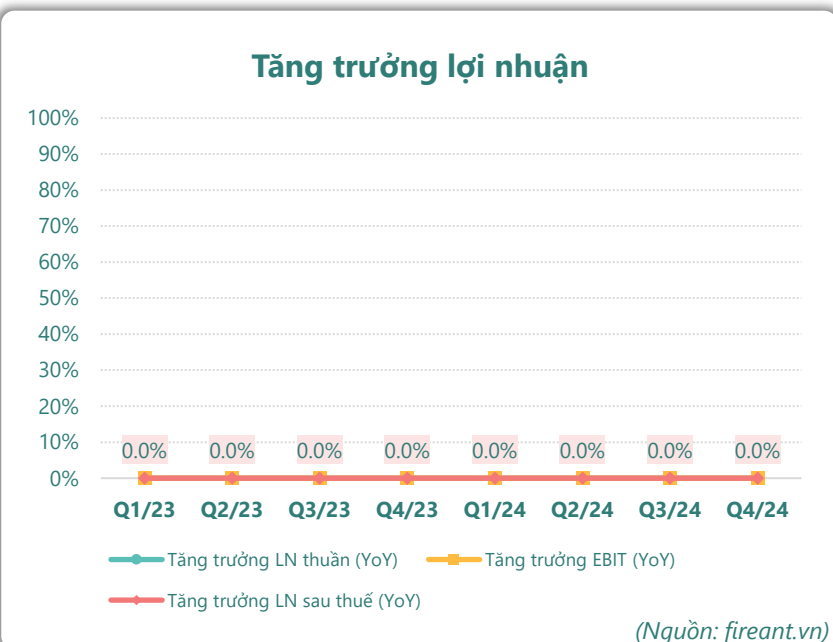
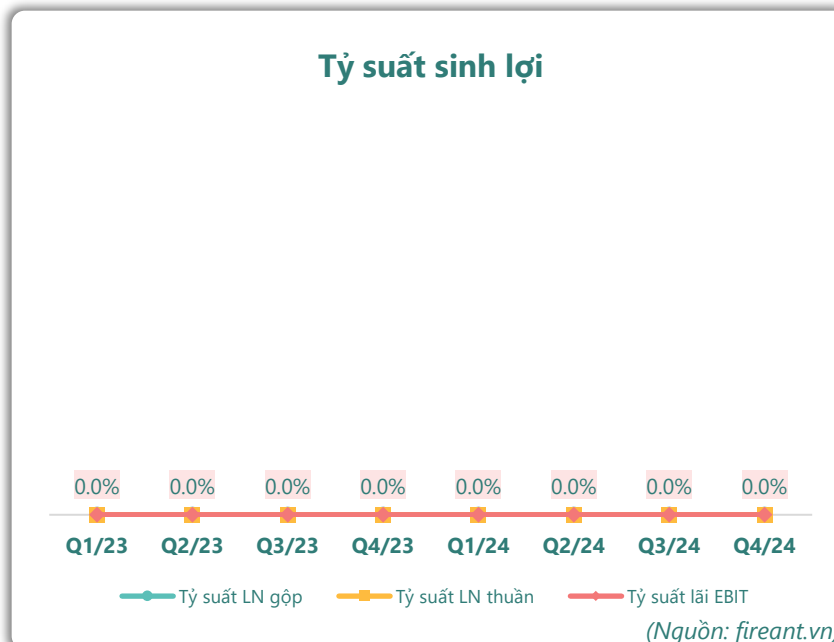
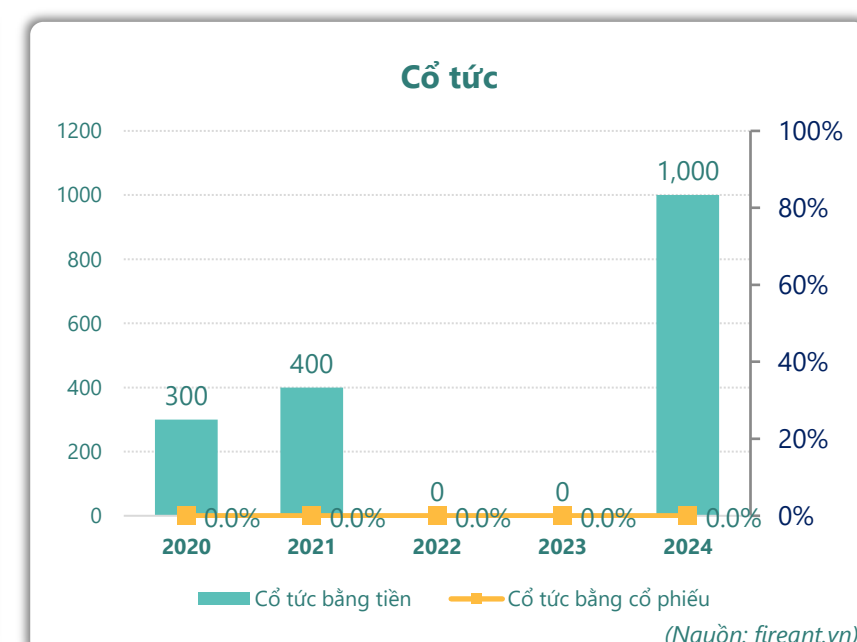
LN thuần 2024
-7.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.2 66.9%

LN sau thuế 2024
4.19
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.89 -17.4%





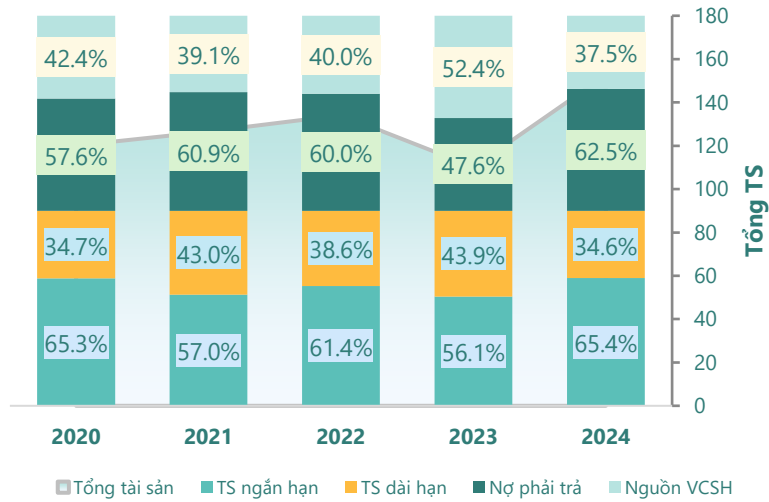
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

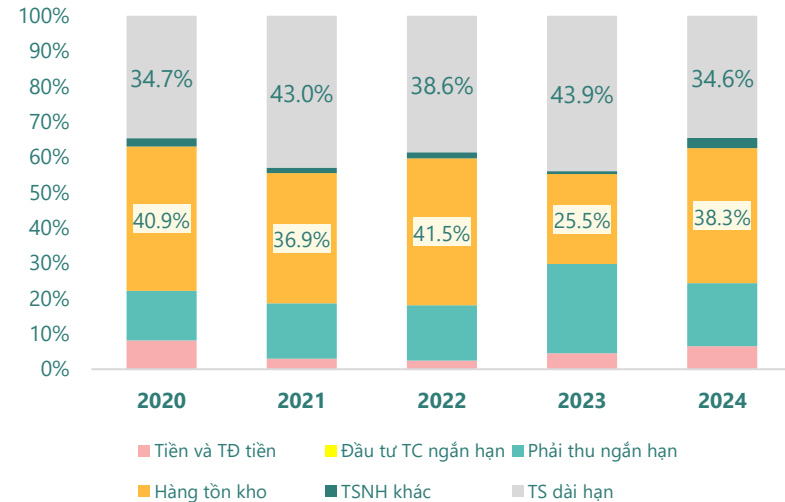
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

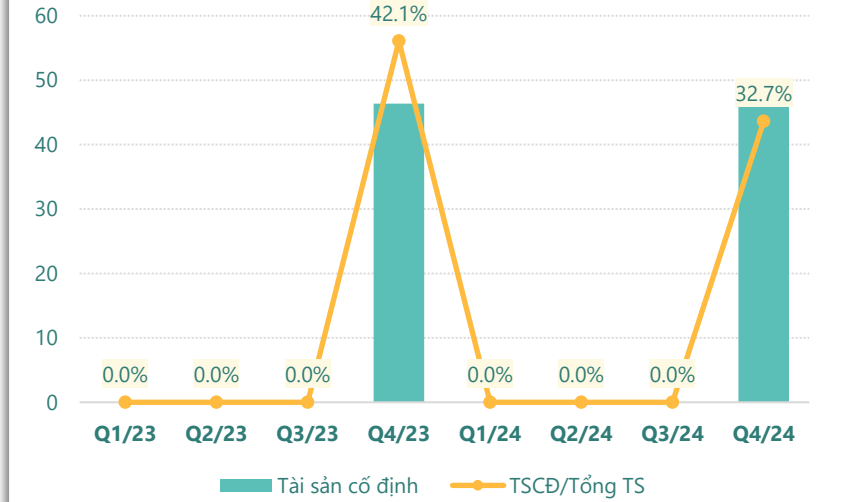
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

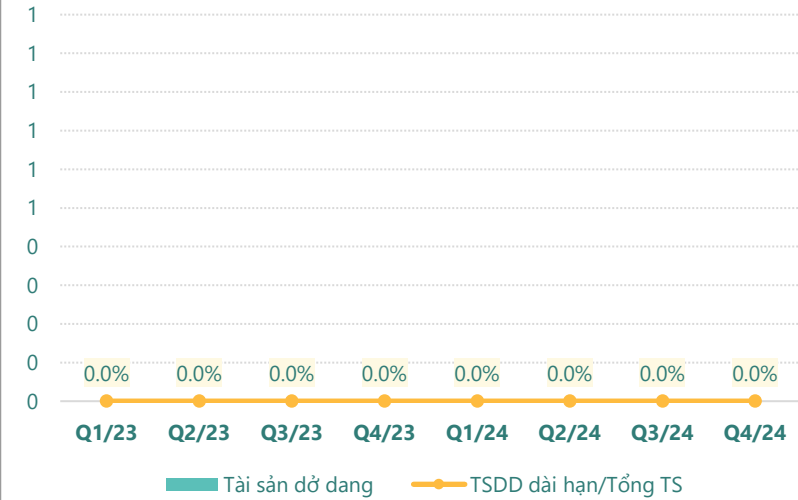
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

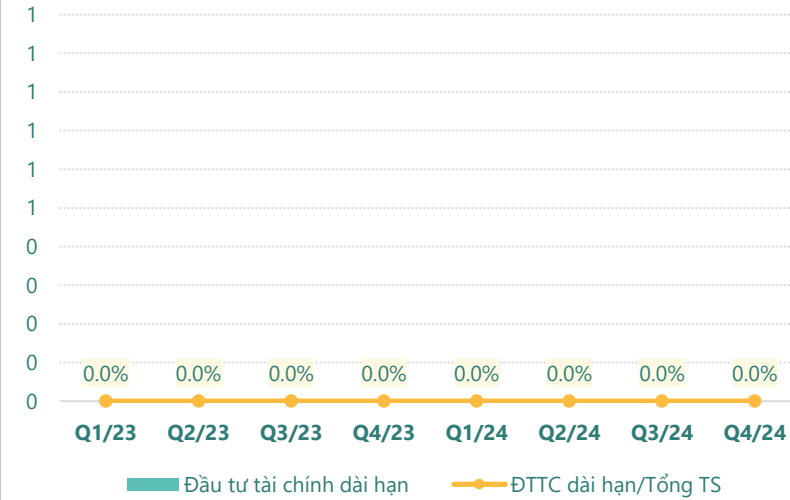
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

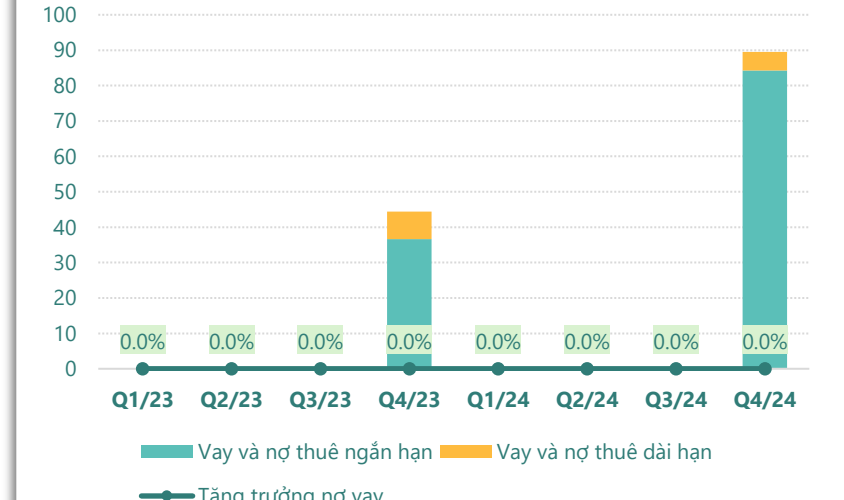
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

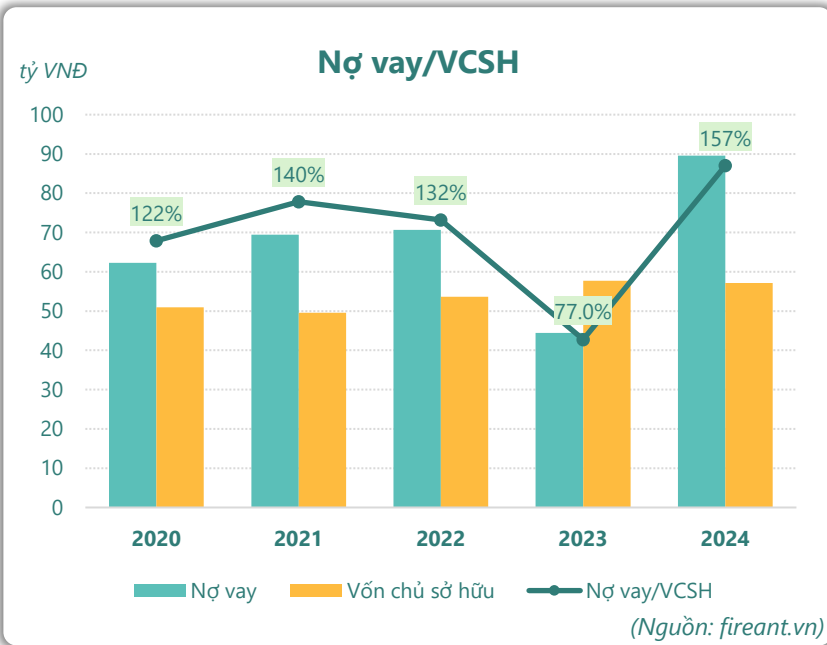
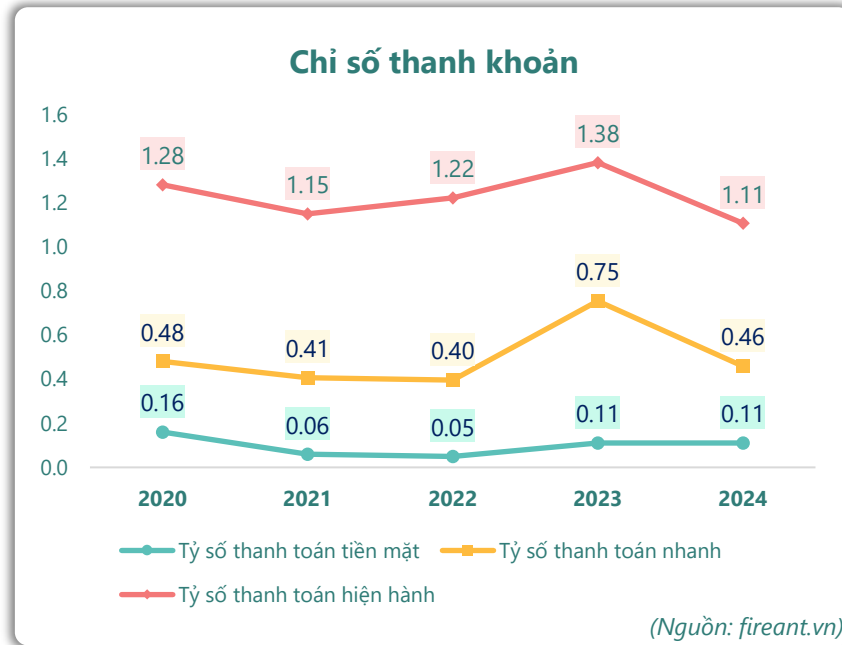
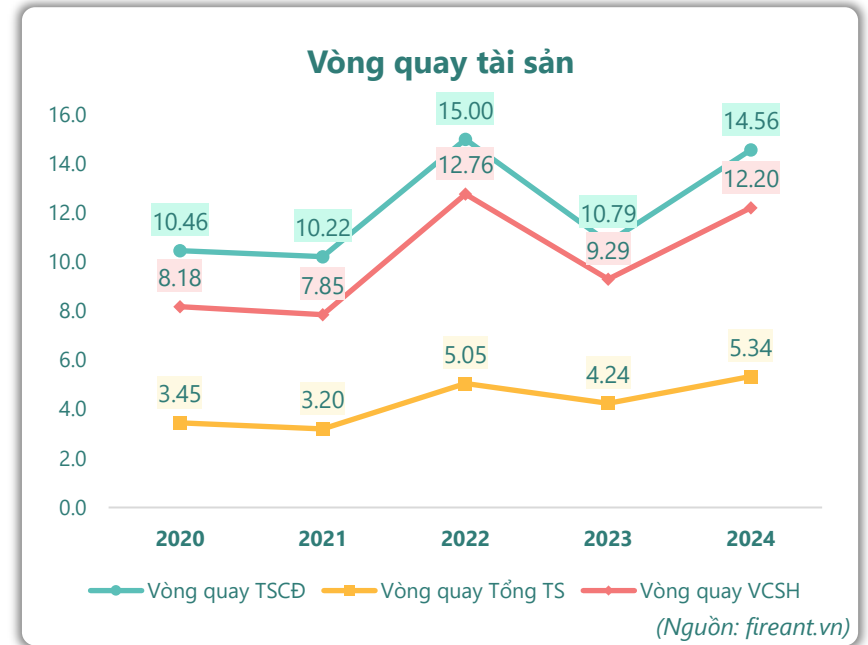
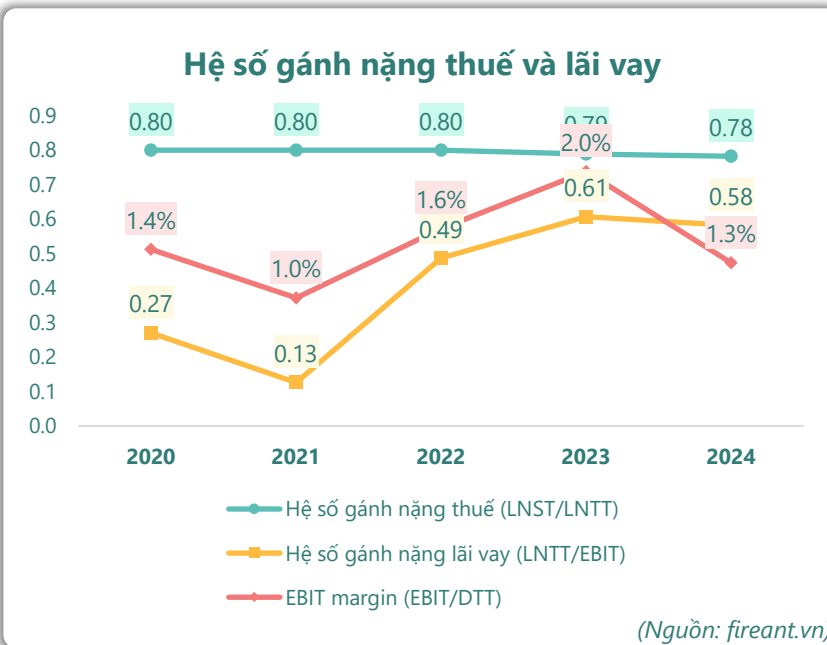
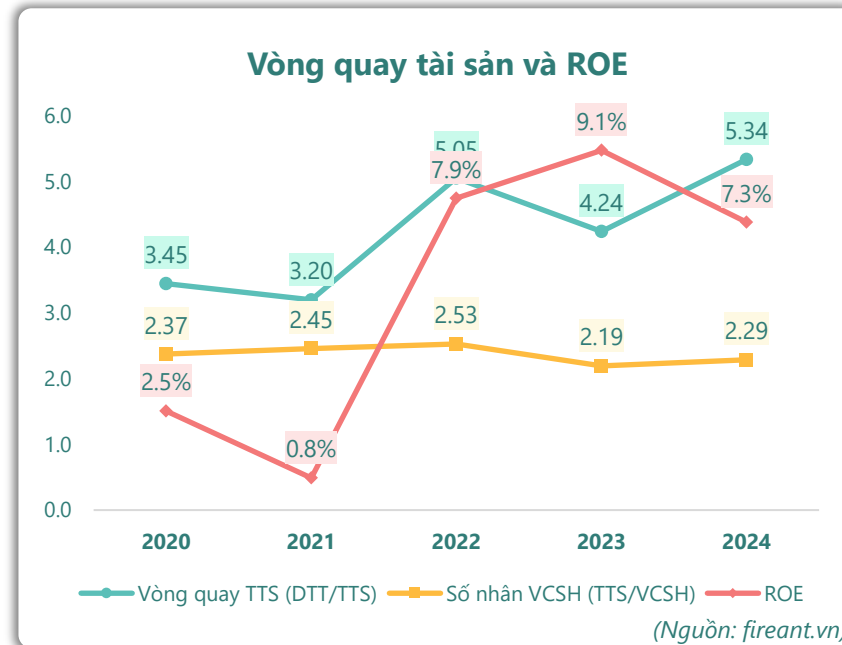
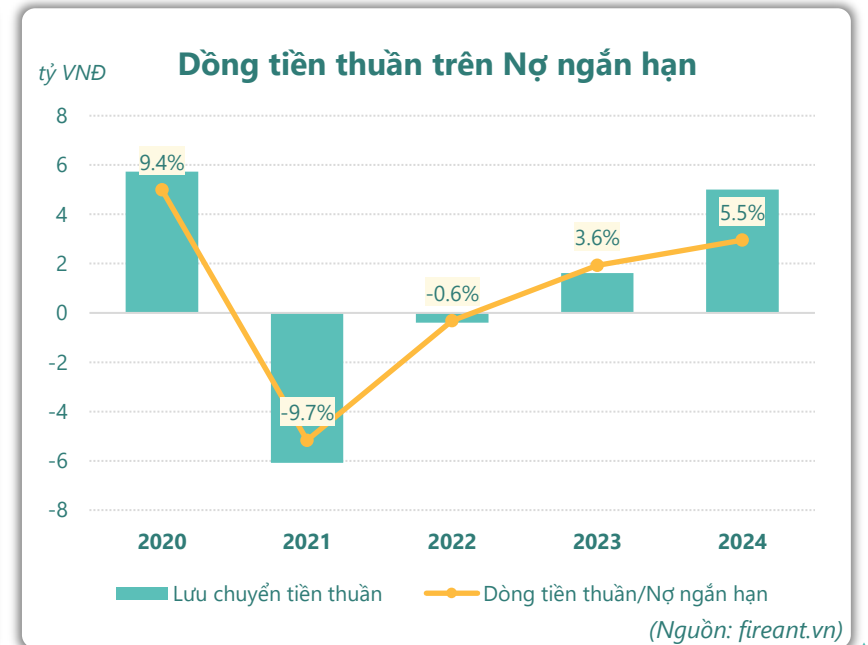
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				701	518	35.5%
Giá vốn hàng bán				646	485	33.1%
Lợi nhuận gộp				54.8	32.1	70.9%
Doanh thu HĐTC				0.01	0.01	15.1%
Chi phí TC				3.85	4.17	-7.7%
Chi phí lãi vay				3.85	4.17	-7.7%
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				53.9	45.2	19.2%
Chi phí QLDN				4.05	3.88	4.6%
LN thuần từ HĐKD				-7.02	-21.2	66.9%
Lợi nhuận khác				12.4	27.6	-55.2%
LN trước thuế				5.36	6.44	-16.7%
Lợi nhuận sau thuế				4.19	5.08	-17.4%
LNST của CĐ cty mẹ				4.19	5.08	-17.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	153	110	38.5%
Tài sản ngắn hạn	99.9	61.8	61.7%
Tiền và tương đương tiền	9.95	4.95	101%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	27.2	27.8	-2.4%
Hàng tồn kho	58.4	28.1	108%
Tài sản ngắn hạn khác	4.35	0.93	367%
Tài sản dài hạn	52.7	48.4	9.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	50.0	46.3	7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.79	2.06	35.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	95.4	52.5	82.0%
Nợ ngắn hạn	90.2	44.7	102%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.3	36.7	130%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.88	2.49	15.5%
Nợ dài hạn	5.25	7.78	-32.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.25	7.78	-32.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	57.2	57.7	-1.0%
Vốn chủ sở hữu	57.2	57.7	-1.0%
Vốn điều lệ	42.0	42.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

